

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/KDTM-ST
Ngày 17-10-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Trần Duyên Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông.
2. Ông Nguyễn Hoàng Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2018/TLST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2018/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2018/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, trụ sở tại: Số nhà T, đường P, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Minh T là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị). Anh Lương Nguyễn Thanh N, cư trú tại: Số nhà K, đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định, là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 103/QĐ-BĐH ngày 22 tháng 5 năm 2018). Anh N có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh V, cư trú tại: Số nhà M, đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Minh P, cư trú tại: Số nhà M, đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Lương Nguyễn Thanh N trình bày: Ngày 27-3-2017, bà Nguyễn Thị Thanh V vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Chi nhánh B theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số: 004286210072219201T17234. Số tiền vay: 15.000.000 đồng; thời hạn cho vay từ ngày 28-3-2017 đến ngày 27-3-2018; lãi suất cho vay: 11%/năm (lãi suất tính trên dư nợ ban đầu trong hạn); lãi suất quá hạn: 150% so với lãi suất trong hạn; mục đích vay vốn: Buôn bán; hình thức đảm bảo nợ vay: Cho vay không có tài sản bảo đảm; phương thức thanh toán: Vốn và lãi vay trả góp thành 12 kỳ bằng nhau, vào ngày 27 hàng tháng, 11 kỳ đầu trả 1.500.000 đồng/kỳ, kỳ cuối trả 150.000 đồng. Với số tiền vay, lãi suất và kỳ hạn nêu trên, bà Nguyễn Thị Thanh V phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 16.650.000 đồng (vốn: 15.000.000 đồng, lãi: 1.650.000 đồng). Từ ngày 27-3-2017 đến ngày 26-3-2018, bà V chỉ trả được 7.500.000 đồng (vốn: 6.442.308 đồng, lãi: 1.057.692 đồng). Cho đến nay, khoản vay nêu trên đã quá thời hạn thanh toán vốn và lãi. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo trả nợ, nhưng bà V vẫn không trả nợ. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh V thanh toán toàn bộ số nợ vốn và lãi tạm tính đến ngày 17-10-2018 là 10.618.005 đồng, trong đó: Vốn 8.557.692 đồng, lãi trong hạn 592.308 đồng, lãi quá hạn 1.468.005 đồng, và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng vay.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh V đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà V không đến Tòa và tại phiên tòa hôm nay bà V tiếp tục vắng mặt. Tòa án đã không lấy được lời khai của bà V.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Minh P đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh P không đến Tòa và tại phiên tòa hôm nay anh P tiếp tục vắng mặt. Tòa án đã không lấy được lời khai của anh P.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà V phải trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh V thanh toán toàn bộ nợ vốn và lãi theo hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa 02 bên, mục đích vay vốn để buôn bán. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã thụ lý,

giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Thanh V, anh Phạm Minh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nào. Theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Chi nhánh B cho bà Nguyễn Thị Thanh V vay tiền theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 004286210072219201T17234 ký kết ngày 27 tháng 3 năm 2017. Các điều khoản thỏa thuận của hợp đồng tín dụng này không trái với quy định tại các Điều 91, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên có giá trị pháp lý.

[4] Tại các Biên bản làm việc v/v thu hồi và xử lý nợ ngày 20-02-2018, ngày 02-8-2018 giữa đại diện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Chi nhánh B và bà Nguyễn Thị Thanh V cũng như các chứng từ thanh toán của khách hàng vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ Chi nhánh B, thể hiện khoản vay của bà V đến ngày 17-10-2018 dư nợ 8.557.692 đồng, dư lãi 2.060.313 đồng (trong đó: Lãi trong hạn: 592.308 đồng, lãi quá hạn 1.468.005 đồng), tổng cộng là 10.618.005 đồng. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ yêu cầu bà V thanh toán toàn bộ khoản nợ vay này là có cơ sở, phù hợp với Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng và thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng giữa hai bên. Bà V còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà V phải chịu 3.000.000 đồng; hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 và 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt

động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh V phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền vay 10.618.005 (mười triệu sáu trăm mười tám nghìn không trăm linh năm) đồng, trong đó: Vốn 8.557.692 đồng, lãi trong hạn 592.308 đồng, lãi quá hạn 1.468.005 đồng.

1.2. Bà Nguyễn Thị Thanh V còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 004286210072219201T17234 ký kết ngày 27 tháng 3 năm 2017, kể từ ngày tuyên án cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu 3.000.000 đồng.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006462 ngày 22 tháng 05 năm 2018, số 0006494 ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Trần Duyên Anh